VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 quy định về chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cải tạo và kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an

(Tiếp theo Công báo số 1343 + 1344)

Phụ lục II
Nội dung kiểm tra và yêu cầu kỹ thuật khi kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng
(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an)

1. Kiểm tra tổng quát xe

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1	Biển số đăng ký	- Quan sát, so sánh với đăng ký xe; - Dùng tay lắc.	- Đúng với đăng ký xe; - Đủ số lượng, đúng quy cách, không nứt gãy, lắp chặt, đúng vị trí.
2	Số động cơ	Quan sát, so sánh với đăng ký xe.	Đúng với số động cơ ghi trong đăng ký xe.
3	Số khung	Quan sát, so sánh với đăng ký xe.	Đúng với số khung ghi trong đăng ký xe.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
4	Màu sơn	Quan sát, so sánh với đăng ký xe.	- Đúng với màu sơn ghi trong đăng ký xe; - Không bong tróc.
5	Hình dáng, bố trí chung, kích thước tổng thể	Quan sát, đo bằng thước.	- Đúng với hình dáng, bố trí, kết cấu xe của nhà sản xuất hoặc đúng thiết kế cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Kích thước giới hạn đúng quy định của nhà sản xuất hoặc đúng thiết kế cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kiểm tra phần trên và bên ngoài xe

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1	Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng, chắn bùn	- Quan sát; - Dùng tay lắc.	- Không được thủng rách và lắp ghép chắc chắn với khung xe. Khung xương không có vết nứt; - Chắn bùn được lắp chắc chắn, không bị thủng, mọt, gỉ, vỡ.
2	Đèn chiếu sáng phía trước (pha, cốt)	- Bật, tắt đèn và quan sát;	- Phải đủ 2 loại đèn chiếu xa (đèn pha) và chiếu gần (đèn cốt); - Lắp ghép đúng và chắc chắn, không nứt vỡ, đảm bảo duy trì các đặc tính quang học của chúng khi xe vận hành;

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
		- Kiểm tra bằng phương pháp bán cơ giới: Quan sát bằng mắt đèn chiếu sáng có ánh sáng trắng hoặc vàng.	- Chiều dài dải sáng của đèn chiếu xa lớn hơn 100m, chiều rộng 4m; - Chiều dài dải sáng đèn chiếu gần không nhỏ hơn 50 m và đảm bảo quan sát được chướng ngại vật ở khoảng cách 40 m.
		- Kiểm tra bằng thiết bị đo.	- Đối với đèn chiếu xa: Cường độ sáng một đèn chiếu xa không nhỏ hơn 10.000 (cd). Theo phương thẳng đứng, chùm sáng không được lệch lên trên quá 0%; không được lệch dưới quá 2% đối với đèn có chiều cao lắp đặt nhỏ hơn 850 mm so với mặt đất hoặc không được lệch dưới quá 2,75% đối với đèn có chiều cao lắp đặt lớn hơn 850 mm so với mặt đất. Theo phương ngang, chùm sáng của đèn không được lệch phải quá 2%, không được lệch trái quá 0%; - Đối với đèn chiếu gần: Theo phương thẳng đứng, giao điểm của đường tối sáng và phần hình nêm nhô lên của chùm sáng không được lệch lên trên quá 0,5% so với đường nằm ngang, lệch dưới quá 2% đối với đèn có chiều cao lắp đặt nhỏ hơn 850 mm tính từ mặt đất và không được lệch lên trên quá 1,25%, lệch dưới quá 2,75% đối với đèn có chiều cao lắp đặt lớn hơn

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
			850 mm tính từ mặt đất lên trên. Theo phương ngang, giao điểm của đường tối sáng và phần hình nêm nhô lên của chùm sáng của đèn không được lệch phải quá 2%, lệch trái quá 0%.
3	Đèn tín hiệu (đèn báo rẽ trước, đèn báo rẽ sau, đèn phanh, đèn lùi, đèn vị trí, đèn soi biển số)	- Bật, tắt đèn và quan sát; - Đếm tần số nháy trong 01 phút và đo khoảng thời gian từ khi bật công tắc đến khi đèn sáng.	- Đồng bộ, đủ số lượng, đúng vị trí, lắp ghép chắc chắn, không nứt vỡ; - Phải nhận biết được đèn phanh, đèn báo rẽ, đèn lùi ở khoảng cách 20 m; đèn soi biển số, đèn vị trí ở khoảng cách 10 m trong điều kiện ánh sáng ban ngày; - Tần số nháy của đèn báo rẽ: từ 60 đến 120 lần/phút. Thời gian chậm tác dụng không quá 3 giây.
4	Cửa xe và các cơ cấu khóa cửa xe	- Đóng, mở cửa và quan sát; - Dùng tay lắc.	- Đủ, đóng mở nhẹ nhàng; - Khi đóng cửa phải đóng hết, không được tự mở.

3. Kiểm tra bên trong buồng lái, khoang chở khách

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1	Ghế người lái, ghế hành khách, giường nằm, dây an toàn	- Quan sát; - Đo bằng thước; - Dùng tay lắc.	- Đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt đúng vị trí, chắc chắn, có kích thước đúng quy định; - Cơ cấu điều chỉnh (nếu có) hoạt động tốt;

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
			- Mặt đệm ghế không được rách; - Dây an toàn không bị rách, đứt, không bị kẹt, dễ kéo ra, tự thu về, khóa cài đóng mở nhẹ nhàng.
2	Kính chắn gió	- Quan sát; - Dùng tay ấn.	- Là loại kính an toàn, không rạn nứt, đúng quy cách, kính chắn gió phía trước phải trong suốt, hình ảnh quan sát phải rõ, không bị méo mó; - Lắp chắc chắn, không bị rung lắc khi ấn mạnh tay.
3	Phun nước rửa kính, gạt nước	- Cho hoạt động và quan sát; - Dùng tay lắc.	- Đủ số lượng, lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt; - Lưỡi gạt không bị mòn, không bị chai cứng, đảm bảo tầm nhìn của người lái; - Diện tích quét của gạt nước không nhỏ hơn hai phần ba diện tích kính chắn gió phía trước.
4	Gương quan sát phía sau	- Quan sát; - Dùng tay lắc.	- Đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không có vết nứt, cho hình ảnh rõ nét; - Gương lắp ngoài bên trái quan sát được chiều rộng 2,5 m ở vị trí cách gương 10m về phía sau; gương nắp ngoài bên phải quan sát được chiều rộng 4m ở vị trí cách gương 20 m về phía sau.
5	Sàn bệ, khung xương	- Quan sát; - Búa chuyên dùng.	- Định vị đúng, chắc chắn; - Không mọt gỉ, thủng; - Các dầm không được nứt gãy.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
6	Dây dẫn điện trong buồng lái	- Quan sát.	- Định vị và các mối nối chắc chắn, vỏ cách điện không rạn nứt hoặc hỏng.
7	Vô lăng lái, càng lái, độ dơ góc	- Quan sát; - Đo độ rơ góc bằng thiết bị chuyên dùng.	- Đúng kiểu loại, không nứt, gãy, biến dạng, bắt chặt với trục lái; - Vô lăng điều khiển nhẹ nhàng, không có tiếng kêu lạ; - Độ rơ góc của vô lăng lái không lớn hơn: + 10° đối với xe con, xe khách đến 12 chỗ, xe tải có tải trọng đến 1500 kg; + 15° đối với các loại xe khác.
8	Trục lái	- Quan sát; - Dùng tay lắc kiểm tra độ rơ.	- Đúng kiểu loại, lắp ghép đúng và chắc chắn; - Không được có độ rơ dọc và rơ ngang; - Không bị nứt, gãy, biến dạng.
9	Cơ cấu lái, trợ lực lái	- Quan sát; - Dừng xe bằng phanh tay, để cần số ở vị trí số 0, cho động cơ hoạt động, quay vô lăng về hai phía để kiểm tra trợ lực lái.	- Đúng kiểu loại, lắp ghép đúng và chắc chắn, đủ chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng; - Phải hoạt động bình thường, không có sự khác biệt lớn giữa lực lái bên trái và lực lái bên phải; - Dây cu roa trợ lực lái không trùng lỏng hoặc hư hỏng; - Không có biểu hiện chảy dầu thành giọt.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
10	Cần phanh tay hoặc bàn đạp điều khiển phanh	- Kéo nhả cần phanh tay; - Đạp, nhả bàn đạp phanh đỗ xe.	- Linh hoạt, nhẹ nhàng, hoạt động tốt; - Lắp đặt đúng kiểu loại, chắc chắn; - Hành trình làm việc đúng quy định của nhà sản xuất.
11	Cần số	- Quan sát; - Ra vào số nguội.	- Đúng kiểu loại; - Không bị cong vênh, biến dạng; - Hoạt động nhẹ nhàng.
12	Bàn đạp phanh, bàn đạp ly hợp, bàn đạp ga	- Quan sát; - Dùng tay lắc, ấn bàn đạp; - Đo bằng thước.	- Lắp đặt đúng kiểu loại, chắc chắn; - Bàn đạp phải có hành trình tự do; - Bàn đạp tự trả lại đúng vị trí ban đầu khi nhả bàn đạp phanh, bàn đạp ly hợp, bàn đạp ga.
13	Các đồng hồ báo áp suất khí nén, nhiệt độ nước làm mát, áp suất dầu, đèn báo phanh tay, báo rẽ, chiếu sáng	- Quan sát; - Kiểm tra hoạt động của các đồng hồ; - Dừng xe bằng phanh tay, cho cần số về số 0, cho động cơ hoạt động để kiểm tra áp suất khí nén.	- Phải đầy đủ các loại đồng hồ, đèn báo và phải hoạt động tốt; - Đối với xe có hệ thống dẫn động khí nén (phanh hơi) hoặc trợ lực phanh bằng khí nén: Áp suất khí nén phải đạt áp suất quy định cho từng loại xe.
14	Động cơ và các hệ thống liên quan đến động cơ	- Quan sát; - Dừng xe bằng phanh tay, để cần số ở số 0. Cho động cơ hoạt động và nghe tiếng động cơ.	- Động cơ phải hoạt động ổn định ở các chế động vòng quay và không có tiếng gõ lạ; - Chất lỏng không rỉ thành giọt.

4. Kiểm tra phần gầm xe

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1	Khung xe, móc kéo	- Quan sát kết hợp dùng búa gõ.	- Đầy đủ, đúng quy cách. Các dầm bằng kim loại không biến dạng, nứt, gỉ thủng. Các dầm gỗ không mục vỡ, gẫy; - Móc kéo lắp đặt chắc chắn, đúng kiểu loại, không bị nứt, gãy, biến dạng. Cóc hãm và chốt hãm không được tự mở.
2	Hệ thống treo	- Quan sát kết hợp dùng búa gõ.	- Đầy đủ, lắp ghép đúng và chắc chắn, không nứt gẫy, không rò rỉ dầu hoặc khí nén; - Đảm bảo cân bằng thân xe.
3	Bánh xe (vành, moay ơ, lốp)	- Quan sát kết hợp búa chuyên dùng; - Kích bánh xe cao khoảng 5 đến 10cm. Dùng tay lắc bánh xe để kiểm tra độ rơ (Đối với xe tải, xe khách dùng tay quay để kiểm tra); - Kiểm tra lốp.	- Kích cỡ lốp, vành đúng quy định của nhà sản xuất; - Các chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng đầy đủ, đúng quy cách; - Vành đĩa, vòng hãm đúng kiểu loại, không biến dạng, rạn nứt, cong vênh. Vòng hãm phải khít vào vành bánh xe; - Bánh xe quay trơn không bó kẹt, không có độ rơ dọc trục và hướng kính; - Lốp đúng cỡ, đủ số lượng, đủ áp suất, không phồng rộp, nứt vỡ tới lớp sợi mành. Lốp các bánh xe dẫn hướng phải cùng loại. Lốp bánh dẫn hướng hai bên

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
			phải cùng kiểu hoa lốp, chiều cao hoa lốp đồng đều, không sử dụng lốp đắp; - Lốp mòn đều không quá dấu chỉ báo độ mòn của nhà sản xuất.
4	Ngõng quay lái	- Quan sát; - Kích từng bánh xe dẫn hướng lên khỏi mặt đất, đạp phanh, dùng tay lắc bánh xe kiểm tra độ rơ dọc và ngang.	- Lắp ghép đúng và chắc chắn; - Không biến dạng, nứt gãy; - Trục, khớp cầu không bị rơ, lỏng.
5	Thanh đòn dẫn động lái (cần chuyển hướng dọc và ngang), khớp cầu (rô tuyn)	- Đỗ xe trên hầm kiểm tra; quay vô lăng về hai phía. Nếu xe có hệ thống trợ lực lái thì phải nổ máy khi kiểm tra; - Quan sát kết hợp dùng tay lắc.	- Không biến dạng, nứt gãy; - Không có tiếng kêu khi lắc vô lăng; - Vỏ bọc chắn bụi không được thủng rách; - Lắp ghép đúng và chắc chắn, có đủ chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng (không được dùng đinh hay dây thép để thay cho chốt chẻ).
6	Trục các đăng	- Đỗ xe trên hầm kiểm tra; - Quan sát kết hợp dùng tay lắc, xoay trục các đăng.	- Đầy đủ, đúng kiểu loại, lắp đặt chắc chắn; - Trục không biến dạng, không nứt, không được hàn táp, nối dài thêm. Khi lắc trục không được sộc sệch, rơ lỏng, không phát ra tiếng kêu.
7	Cầu xe	- Đỗ xe trên hầm kiểm tra; - Quan sát.	- Cầu xe không nứt, gãy, biến dạng; - Cầu chủ động không có dầu chảy thành giọt.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
8	Dẫn động phanh chính	Đạp phanh và quan sát.	- Đầy đủ các bình chứa và van; - Hoạt động linh hoạt, nhẹ nhàng; - Không biến dạng, rạn nứt. Không rò rỉ dầu phanh hoặc khí nén trong hệ thống.
9	Dây dẫn điện phía dưới	- Quan sát.	- Định vị và các mối nối chắc chắn, vỏ cách điện không rạn nứt hoặc hỏng.
10	Hệ thống dẫn khí thải, bầu giảm âm	- Đỗ xe trên hầm kiểm tra; - Quan sát kết hợp lay, lắc các giá đỡ, ống nối, bầu giảm âm.	- Lắp ghép đúng và chắc chắn; - Không bị mọt gỉ, rách, rò rỉ khí thải; - Bầu giảm âm và ống dẫn khí thải phải kín.

5. Kiểm tra các chỉ tiêu bảo vệ môi trường

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1	Còi điện dB(A)	Bán cơ giới: Nghe âm thanh còi.	Âm thanh còi to, rõ, không bị rè.
		Kiểm tra bằng thiết bị đo âm lượng.	Âm lượng không nhỏ hơn 93 dB(A) nhưng không quá 112 dB(A).
2	Nồng độ CO	Kiểm tra bằng thiết bị đo.	Nồng độ CO không quá 4,5% thể tích.
3	Nồng độ HC	Kiểm tra bằng thiết bị đo.	- Nồng độ HC không quá: + 1.200 phần triệu (ppm) thể tích đối với động cơ 4 kỳ; + 7.800 phần triệu (ppm) thể tích đối với động cơ 2 kỳ.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
4	Độ khói	Bán cơ giới: Nhìn màu sắc khí xả.	Khí xả có màu nhạt đối với động cơ xăng. Đối với động cơ Diesel thì khí xả không được có màu đen quá mức nhận biết được.
		Kiểm tra bằng thiết bị đo độ khói.	Động cơ cháy do nén: Kết quả đo khói trung bình của 3 lần đo không vượt quá 72% HSU.

6. Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh, lái

Đối với phương pháp kiểm định bán cơ giới: Qua kiểm tra xe ở trạng thái tĩnh phát hiện những bộ phận không bảo đảm an toàn thì yêu cầu người lái xe phải sửa lại. Chỉ những xe bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn mới cho xe chạy trên đường thử để kiểm tra.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1	Kiểm tra sự hoạt động của ly hợp, hộp số:	- Cho xe chạy trên đường ở mọi tay số để kiểm tra hoạt động của ly hợp, hộp số; - Xe ở trạng thái tĩnh: cho động cơ hoạt động, cài số và thực hiện đóng, mở ly hợp; ra, vào số để kiểm tra hoạt động.	- Ly hợp đóng nhẹ nhàng, cắt dứt khoát, không có tiếng kêu khác lạ; - Hộp số (cơ khí hoặc tự động) chuyển số nhẹ nhàng, không rung giật hoặc bị nhảy số.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
2	Độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng:	Bán cơ giới: Cho xe chạy thẳng với tốc độ không lớn hơn 5km/h, không tác động lực lên vô lăng. Chạy thẳng trên đường khoảng 100m. Dùng thước đo độ lệch của bánh xe dẫn hướng. Cho xe chạy thẳng với tốc độ không lớn hơn 5km/h, không tác động lực lên vô lăng để đi qua thiết bị đo.	Độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng không vượt quá 05 mm/m.
3	Hiệu quả phanh chính: kiểm tra xe ở chế độ không tải	Bán cơ giới: Đo quãng đường phanh và độ lệch khi phanh ở chế độ thử không tải với tốc độ 30 km/h trên mặt đường phủ nhựa hoặc đường bê tông bằng phẳng và khô. Ngắt động cơ khỏi hệ thống truyền lực, đạp phanh đến hết hành trình và giữ bàn đạp phanh đến khi xe dừng hẳn. Ghi nhận quãng đường phanh.	- Quãng đường phanh không lớn hơn: + 7,2 m (đối với ô tô con đến 9 chỗ ngồi); + 9,5 m (đối với ô tô tải có tải trọng nhỏ hơn 8.000 kg, ô tô khách trên 9 chỗ có chiều dài toàn bộ ngắn hơn 7,5 m); + 11 m (đối với ô tô tải có tải trọng lớn hơn 8.000 kg, ô tô khách trên 9 chỗ có chiều dài toàn bộ lớn hơn 7,5 m); - Độ lệch phanh: Khi phanh quỹ đạo chuyển động của xe không lệch khỏi hành lang 3,5 m.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
		Kiểm tra hiệu quả phanh chính trên thiết bị đo: Xe không tải, nổ máy, tay số ở vị trí số không, đạp phanh đều đến hết hành trình rồi ghi nhận kết quả.	- Lực phanh: + Ô tô tải; ô tô chuyên dùng có trọng lượng bản thân không lớn hơn 12.000 kg và ô tô chở người: không nhỏ hơn 50%; + Ô tô tải; ô tô chuyên dùng có trọng lượng bản thân lớn hơn 12.000 kg; ô tô đầu kéo; sơ mi rơ moóc; rơ moóc và đoàn xe ô tô sơ mi rơ moóc: không nhỏ hơn 45%; - Sai lệch lực phanh trên một trục: Không quá 25%.
4	Hiệu lực của phanh tay: Kiểm tra xe ở chế độ không tải	- Bán cơ giới: Dùng dốc thử có độ dốc 20% trên mặt đường phủ nhựa hoặc đường bê tông bằng phẳng và khô, có hệ số bám lớn hơn 0,6; hoặc đo quãng đường phanh trên đường với tốc độ 15 km/h;	- Dừng được xe trên dốc thử hoặc quãng đường phanh nhỏ hơn 6 m.
		- Kiểm tra hiệu lực phanh tay bằng thiết bị đo.	- Tổng lực phanh đỗ không nhỏ hơn 16% trọng lượng xe không tải.

Phụ lục III
Chu kỳ kiểm định của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng
(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an)

STT	Loại phương tiện	Chu kỳ kiểm định (tháng)
1. Xe ô tô		
1.1	Xe chưa qua sử dụng, sản xuất đến 03 năm	36
1.2	Sản xuất đến 07 năm	24
1.3	Sản xuất từ 07 năm đến 12 năm	12
1.4	Sản xuất trên 12 năm	06
2. Xe ô tô cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo		
2.1	Sản xuất đến 03 năm	24
2.2	Sản xuất đến 07 năm	12
2.3	Sản xuất trên 07 năm	06
3. Xe ô tô sát hạch, ô tô tập lái		
3.1	Sản xuất đến 03 năm	24
3.2	Sản xuất đến 07 năm	12
3.3	Sản xuất trên 07 năm	06
4. Xe máy chuyên dùng		
4.1	Sản xuất đến 12 năm	12
4.2	Sản xuất trên 12 năm	06

Ghi chú: Thời gian sản xuất của xe cơ giới làm căn cứ để cơ quan kiểm định cấp chu kỳ kiểm định được tính theo năm.

Ví dụ: Xe được sản xuất từ 01/01/2024 thì đến hết 31/12/2027 được tính là đã sản xuất đến 03 năm. Từ 01/01/2028 được tính là đã sản xuất trên 3 năm.

Phụ lục IV

DANH MỤC PHỤ TÙNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG CẤP CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an)

STT	Xe ô tô	Xe mô tô, xe gắn máy
1	Kính an toàn của xe	Khung
2	Gương chiếu hậu (thiết bị quan sát gián tiếp phía sau)	Gương chiếu hậu (thiết bị quan sát gián tiếp phía sau)
3	Đèn chiếu sáng phía trước	Đèn chiếu sáng phía trước
4	Vành hợp kim nhẹ	Động cơ
5	Lốp hơi	Lốp
6	Kết cấu an toàn phòng chống cháy của xe cơ giới	Ắc quy
7	Vật liệu nội thất	Vành bánh xe
8	Các loại phụ tùng xe cơ giới khác được Cục Cảnh sát giao thông kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp khi có đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	

Phụ lục V

DANH MỤC XE CHUYÊN DÙNG ĐƯỢC THIẾT KẾ, THI CÔNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP, CẢI TẠO TẠI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ, ĐƠN VỊ THI CÔNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP, CẢI TẠO XE TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an)

STT	Loại xe	Ghi chú
1	Xe chở phạm nhân	Thỏa mãn TCVN-AN 091:2016
2	Xe lắp các thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ chỉ huy, chiến đấu	
3	Xe thu, truyền hình ảnh lưu động	
4	Xe trung tâm thông tin chỉ huy	
5	Xe phục vụ công tác kiểm soát thông tin lưu động	
6	Xe phục vụ công tác thu tin tình báo mục tiêu an ninh mạng lưu động	
7	Xe tác chiến cơ động tích hợp phòng thu thập và phân tích chứng cứ điện tử	
8	Xe gây nhiễu tần số cao	
9	Xe phát hiện chất nổ, chất phóng xạ	
10	Xe chở kíp chiến đấu chống đạn	
11	Xe chỉ huy chống đạn	
12	Xe xử lý chất độc, khử độc và làm sạch	
13	Xe cơ sở dữ liệu di động	
14	Xe đảm bảo duy trì hệ thống máy mã	
15	Xe máy mã cơ động	
16	Xe phun nước, hóa chất chống bạo loạn	
17	Xe bảo vệ chống đâm xe khủng bố	
18	Xe tác chiến điện tử	

STT	Loại xe	Ghi chú
19	Xe phá sóng điện thoại di dộng, sóng thông tin	
20	Xe xử lý bom, mìn	
21	Xe thiết lập khiên chống đạn, barrie phòng chống bạo loạn	
22	Xe kiểm tra soi chụp hàng hóa bằng tia X	
23	Xe lắp thiết bị soi chiếu hành lý	
24	Xe lắp hệ thống phân tích chất độc, chất phóng xạ tại hiện trường	
25	Xe rà phá bom, mìn	
26	Xe chở vũ khí, công cụ hỗ trợ	
27	Xe rải dây thép gai	
28	Xe chuyên dùng khác được Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	

Mẫu KĐ01 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU

Số:...../ĐK XCG

I. **THÔNG TIN CHUNG**

1. Đơn vị nhập khẩu (cá nhân, tổ chức):

2. Địa chỉ:

3. Người đại diện:

4. Số điện thoại: - Thư điện tử:

5. Tình trạng phương tiện:

7. Nhãn hiệu: - Tên thương mại:

6. Mã kiểu loại:

7. Nước sản xuất: 11. Năm sản xuất:

8. Tiêu chuẩn khí thải:

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

1. Khối lượng

1.1. Khối lượng bản thân: (kG)

- Phân bố lên trục 1: (kG) - Phân bố lên trục 4: (kG)
- Phân bố lên trục 2: (kG) - Phân bố lên trục 5: (kG)
- Phân bố lên trục 3: (kG)

1.2. Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế: (kG)

1.3. Số người cho phép chở, kể cả người lái: (người)

1.4. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế: (kG)

- Phân bố lên trục 1: (kG) - Phân bố lên trục 4: (kG)
- Phân bố lên trục 2: (kG) - Phân bố lên trục 5: (kG)
- Phân bố lên trục 3: (kG)

1.5. Khối lượng kéo theo cho phép: (kG)

2. Kích thước

- Kích thước bao (dài x rộng x cao*)*: (mm)
- Chiều dài cơ sở: (mm)
- Vết bánh xe trước/sau: (mm)

3. Động cơ

3.1. Động cơ đốt trong

- Kiểu động cơ:
- Loại nhiên liệu:
- Thể tích làm việc: (cm^3)
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (kW/vòng/phút)
- Mô men lớn nhất/tốc độ quay: (N.m/vòng/phút)

3.2. Động cơ điện

- Ký hiệu, loại động cơ:
- Điện áp hoạt động: (V)
- Công suất lớn nhất: (kW)
- Loại ắc quy: (V)- (Ah)

4. Hệ thống truyền lực và chuyển động

4.1. Ly hợp: - Kiểu:

- Dẫn động:

4.2. Hộp số chính: - Kiểu:
- Điều khiển hộp số:
4.3. Hộp số phụ: - Kiểu:
- Điều khiển hộp số phụ:
4.4. Công thức bánh xe: - Cầu chủ động:
4.5. Lốp xe
- Trục 1 (số lượng/cỡ lốp): - Trục 4 (số lượng/cỡ lốp):
- Trục 2 (số lượng/cỡ lốp): - Trục 5 (số lượng/cỡ lốp):
- Trục 3 (số lượng/cỡ lốp):

5. Hệ thống treo
- Kiểu treo trục 1: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 2: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 3: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 4: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 5: - Giảm chấn:

6. Hệ thống lái
- Kiểu cơ cấu lái:
- Dẫn động:

7. Hệ thống phanh
7.1. Phanh chính
- Trục 1: - Trục 4:
- Trục 2: - Trục 5:
- Trục 3:
- Dẫn động phanh chính:

7.2. Phanh đỗ xe:
- Kiểu: - Dẫn động:

7.3. Hệ thống phanh dự phòng

8. Thân xe
8.1. Kiểu thân xe/cabin:
8.2. Cửa sổ/cửa thoát hiểm:
- Số lượng: - Loại kính:

8.3. Dây đai an toàn:
- Dây đai an toàn cho người lái:
- Dây đai an toàn cho hành khách: -Số lượng:

9. Hệ thống chiếu sáng, tín hiệu và các trang thiết bị khác
9.1. Đèn chiếu sáng phía trước:
- Số lượng: - Màu sắc:

9.2. Đèn sương mù:
- Số lượng: - Màu sắc:

9.3. Đèn soi biển số phía sau:
- Số lượng: - Màu sắc:

9.4. Đèn phanh
- Số lượng: - Màu sắc:

9.5. Đèn lùi:
- Số lượng: - Màu sắc:

9.6. Đèn báo rẽ trước/sau/bên:
- Số lượng: - Màu sắc:

9.7. Đèn đỗ xe
- Số lượng: - Màu sắc:

10. Cơ cấu chuyên dùng và các thiết bị khác

ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu KĐ02 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

Số:...../ĐK XMCD

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị nhập khẩu (cá nhân, tổ chức):
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện:
4. Số điện thoại:
5. Thư điện tử:
6. Số báo cáo thử nghiệm an toàn:
7. Số báo cáo thử nghiệm khí thải:
8. Loại xe máy chuyên dùng:
9. Nhãn hiệu:
10. Tên thương mại:
11. Mã kiểu loại:
12. Nước sản xuất:
13. Nhà máy sản xuất:
14. Địa chỉ nhà máy sản xuất:
15. Tiêu chuẩn khí thải:

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

1. Khối lượng bản thân: kg
2. Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):... x... x mm
3. Động cơ:
3.1. Động cơ đốt trong:
- Ký hiệu, loại động cơ:
- Loại nhiên liệu:
- Công suất lớn nhất/tốc độ quay:/kW/rpm

3.2. Động cơ điện
- Ký hiệu, loại động cơ:
- Điện áp hoạt động: (V)
- Công suất lớn nhất: (kW)
- Loại ắc quy:/(V)-(Ah)

4. Vận tốc di chuyển lớn nhất: km/h

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

(Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng).

IV. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Tài liệu kỹ thuật:
2. Giấy chứng kiểu loại:
3. Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất:
4. Các giấy tờ khác:

ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu KĐ03 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY NHẬP KHẨU

Số:...../ĐK XM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị nhập khẩu (cá nhân, tổ chức):
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện:
4. Số điện thoại:
5. Tình trạng phương tiện:
6. Nhãn hiệu:
7. Số loại:
8. Nước sản xuất:
9. Năm sản xuất:
10. Tiêu chuẩn khí thải:

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

1. Khối lượng bản thân: (kg)
2. Khối lượng toàn bộ: (kg)
3. Số chỗ ngồi cho phép chở (kể cả người lái): (người)
4. Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): (mm)
5. Chiều dài cơ sở: (mm)
6. Khoảng sáng gầm xe: (mm)
7. Vận tốc lớn nhất của xe: (km/h)
8. Động cơ
8.1. Kiểu động cơ:
8.2. Loại động cơ:
9. Động cơ cháy cưỡng bức
9.1. Thể tích làm việc: (cm^3)
9.2. Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (kW/vòng/phút)
9.3. Loại nhiên liệu:
10. Động cơ điện
10.1. Điện áp hoạt động: (V)
10.2. Công suất lớn nhất: (kW)
10.3. Dung lượng ắc quy: (Ah)

11. Truyền lực

11.1. Ly hợp: Điều khiển ly hợp:

11.2. Hộp số: Điều khiển hộp số:

11.3. Bánh chủ động:

11.4. Kiểu truyền động tới bánh chủ động:

12. Hệ thống lái: Góc quay lớn nhất của tay lái sang phải/trái: / (^{o})

13. Hệ thống phanh

13.1. Kiểu phanh trước:

13.2. Kiểu phanh sau:

14. Hệ thống treo

14.1. Kiểu treo trước: Giảm chấn:

14.2. Kiểu treo sau: Giảm chấn:

15. Lốp

15.1. Cỡ lốp trước:

15.2. Cỡ lốp sau:

16. Hệ thống đèn tín hiệu

16.1. Đèn chiếu sáng phía trước/Màu/Số lượng:

16.2. Đèn báo rẽ/Màu:

16.3. Đèn phanh/Màu:

16.4. Đèn soi biển số/Màu:

ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu KĐ04 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BẢN THÔNG TIN PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người nhập khẩu:

2. Địa chỉ:

3. Người đại diện:

4. Số điện thoại:

5. Thư điện tử:

6. Số chứng nhận chất lượng (của cơ quan thẩm quyền nước ngoài)/Kết quả thử nghiệm (của đơn vị sản xuất, lắp ráp phụ tùng):

7. Loại phụ tùng:

8. Nhãn hiệu:

9. Tên thương mại:

10. Mã kiểu loại/Ký hiệu thiết kế:

11. Nước sản xuất

12. Nhà máy sản xuất

13. Địa chỉ nhà máy sản xuất

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

....., ngày... tháng... năm....
ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu KĐ05 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU

Số:...../XCG NK

(1) Dùng để đăng ký (1) Dùng để kiểm định (1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

- Tình trạng phương tiện:
- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
- Địa chỉ:
- Nhãn hiệu phương tiện: Số loại:
- Nước sản xuất: Năm sản xuất:
- Loại phương tiện:
- Số khung: Số động cơ:
- Tiêu chuẩn khí thải:
- Số tờ khai hàng nhập khẩu:
- Bản đăng ký thông số kỹ thuật xe cơ giới số:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Khối lượng bản thân:
- Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế:
- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông:
- Khối lượng toàn bộ theo thiết kế:
- Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông:
- Khối lượng kéo theo cho phép:
- Số người cho phép chở, kể cả người lái:
- Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): mm
- Kích thước bao thùng (Dài x Rộng x Cao): mm
- Chiều dài cơ sở:
- Vết bánh xe trước: mm; Vết bánh xe sau:
- Kiểu động cơ:
- Loại nhiên liệu: ; Thể tích làm việc:
- Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay:
- Điện áp hoạt động (2): V ; Công suất lớn nhất (2):
- Loại ắc quy (2): V-Ah
- Công thức bánh xe: Số trục:
- Lốp xe: + Trục 1: + Trục 2:
  + Trục 3: + Trục 4:
  + Trục 5: + Trục 6:
- Cơ cấu chuyên dùng:

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số...../2024/TT-BCA, ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày... tháng.... năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của xe cơ giới đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp, vvv...
- (1) đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc kiểm định hoặc để lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.
- (2) Chỉ áp dung đối với xe cơ giới chạy bằng điện

Mẫu KĐ06 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

Số:...../XMCD NK

(1) Dùng để đăng ký (1) Dùng để kiểm định (1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

Tình trạng xe máy chuyên dùng:
Đơn vị nhập khẩu:
Địa chỉ:
Loại xe máy chuyên dùng:
Nhãn hiệu: ; Tên thương mại:
Mã kiểu loại *(Model code)*:
Số khung: ; Số động cơ:
Nước sản xuất: ; Năm sản xuất:
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày: ...../....
Thời gian/Địa điểm kiểm tra: ..../.....
Số biên bản kiểm tra:
Số đăng ký kiểm tra:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Khối lượng bản thân: *kG*
Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): *mm*
Ký hiệu, loại động cơ:
Loại nhiên liệu:
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay: *kW/rpm*
Ký hiệu, loại động cơ điện:
Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: *V-Ah*
Công suất lớn nhất của động cơ điện: *kW*
Vận tốc di chuyển lớn nhất: *km/h*

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

(Thông số kỹ thuật đặc trưng được cập nhật theo từng loại xe máy chuyên dùng)

Xe máy chuyên dùng đảm bảo theo yêu cầu tại Thông tư số...../2024/TT-BCA ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày.... tháng.... năm.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc kiểm định hoặc lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

- Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của xe máy chuyên dùng đã kiểm tra bị hư hỏng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...

Mẫu KĐ07 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY NHẬP KHẨU

Số:...../XM NK

(1) Dùng để đăng ký (1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

- Tình trạng phương tiện:
- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
- Địa chỉ:
- Nhãn hiệu phương tiện: ; Số loại:
- Nước sản xuất: ; Năm sản xuất:
- Loại phương tiện:
- Số khung: ; Số động cơ:
- Tiêu chuẩn khí thải:
- Số tờ khai hàng nhập khẩu:
- Bản đăng ký thông số kỹ thuật xe cơ giới số:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Khối lượng bản thân:
- Khối lượng toàn bộ:
- Số người cho phép chở, kể cả người lái:
- Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): mm
- Chiều dài cơ sở: mm
- Kiểu, loại động cơ:
- Loại nhiên liệu: ; Thể tích làm việc: cm^3
- Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay: kW/vòng/phút
- Li hợp:
- Hộp số:
- Bánh chủ động: ; Truyền động:
- Kiểu loại phanh trước: ; Kiểu loại phanh sau:
- Cỡ lốp trước: ; Cỡ lốp sau:

Xe mô tô, xe gắn máy đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số...../2024/TT-BCA, ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày.... tháng..... năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của xe cơ giới đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp, vvv...
- (1) đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

Mẫu KĐ08 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU

Số:...../PTXCG NK

(1) Đơn vị nhập khẩu

(1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

1. THÔNG TIN CHUNG

- Người nhập khẩu:
- Địa chỉ:
- Loại phụ tùng:
- Nhãn hiệu:
- Tên thương mại:
- Mã kiểu loại/Ký hiệu thiết kế:
- Chứng nhận chất lượng (của cơ quan nước ngoài)/kết quả thử nghiệm số (của cơ sở sản xuất):
- Nước sản xuất:
- Nhà máy sản xuất:
- Địa chỉ nhà máy sản xuất:

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Sản phẩm nêu trên thỏa mãn quy định tại Thông tư số..../TT-BCA ngày.../..../2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phụ tùng xe cơ giới nhập khẩu.

Ghi chú: (nếu có)

....., ngày.... tháng.... năm....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - (1) đánh dấu X vào bản tương ứng để cấp cho đơn vị nhập khẩu hoặc lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.
- Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cục Cảnh sát giao thông quy định cụ thể.

Mẫu KĐ09 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

.....(1).....

Số:...../NTXX-SXLR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU XUẤT XƯỞNG (2) SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Ngày... tháng... năm.....,... (1)... đã tiến hành nghiệm thu xuất xưởng xe..... do cơ sở sản xuất, lắp ráp có đặc điểm sau:

Loại phương tiện:..... Màu sơn:.....
Nhãn hiệu, số loại:..... Số máy:.....
Nơi/Năm sản xuất:...../..... Số khung:.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Kích thước thùng hàng (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Công thức bánh xe: Vết bánh xe trước/sau:...../..... (mm)
Chiều dài cơ sở:..... +..... +..... +.....(mm)
Trọng lượng bản thân:..... (kg) Trọng lượng toàn bộ:..... (kg)
Trọng tải thiết kế:..... (kg) Trọng lượng kéo theo:..... (kg)
Trọng tải cho phép tham gia giao thông:..... (kg) Trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông:..... (kg)
Số người cho phép chở (kể cả người lái):..... (ngồi)..... (đứng)..... (nằm)
Kiểu động cơ: Thể tích làm việc của động cơ:..... (cm^3)
Loại nhiên liệu sử dụng:.....
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay:...../..... (Ps, Mã lực, kw/v/ph)
Hệ thống lái: .....
Hệ thống phanh chính:.....
Hệ thống phanh đỗ:.....
Lốp xe: + Trục 1:..... + Trục 2:..... + Trục 3:.....
+ Trục 4:..... + Trục 5:..... + Trục 6:.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG CỦA XE MÁY CHUYÊN DÙNG

.....(3).....
.....
.....

Kiểu loại xe trên đã được kiểm tra, thỏa mãn các chỉ tiêu về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe (2) sản xuất, lắp ráp, các tiêu chuẩn, quy định hiện hành và theo đúng thiết kế đã được thẩm định.

....., ngày..... tháng.... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Đơn vị sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.
(2) Trường hợp xe cơ giới thì ghi "XE CƠ GIỚI"; xe máy chuyên dùng thì ghi "XE MÁY CHUYÊN DÙNG".
(3) Thông số kỹ thuật đặc trung của xe máy chuyên dùng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu KĐ10 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

.....(1).....

Số:...../NTXX-SXLR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU XUẤT XƯỞNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Ngày... tháng... năm.....,... (1)... đã tiến hành nghiệm thu xuất xưởng xe mô tô, xe gắn máy do cơ sở sản xuất, lắp ráp có đặc điểm sau:

- Loại phương tiện:
- Nhãn hiệu, số loại:
- Màu sơn:
- Số máy: ; Số khung:
- Nơi/Năm sản xuất: ; Tiêu chuẩn khí thải:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

- Khối lượng bản thân: (kg)
- Khối lượng toàn bộ: (kg)
- Số chỗ ngồi cho phép chở (kể cả người lái): (người)
- Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): (mm)
- Chiều dài cơ sở: (mm)
- Khoảng sáng gầm xe: (mm)
- Vận tốc lớn nhất của xe: (km/h)

- Động cơ:

+ Kiểu động cơ:

+ Loại động cơ:

- Động cơ cháy cưỡng bức:

+ Thể tích làm việc: (cm^3)

+ Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (kW/vòng/phút)

+ Loại nhiên liệu:

- Động cơ điện:

+ Điện áp hoạt động: (V)

+ Công suất lớn nhất: (kW)

+ Dung lượng ắc quy: (Ah)

- Truyền lực:

+ Ly hợp: Điều khiển ly hợp:

+ Hộp số: Điều khiển hộp số:

+ Bánh chủ động:

+ Kiểu truyền động tới bánh chủ động:

- Hệ thống lái: Góc quay lớn nhất của tay lái sang phải/trái: / (^{o})

- Hệ thống phanh:

+ Kiểu phanh trước:

+ Kiểu phanh sau:

- Hệ thống treo:

+ Kiểu treo trước: Giảm chấn:

+ Kiểu treo sau: Giảm chấn:

- Lốp:

+ Cỡ lốp trước:

+ Cỡ lốp sau:

- Hệ thống đèn tín hiệu:

+ Đèn chiếu sáng phía trước/Màu/Số lượng:

+ Đèn báo rẽ/Màu:

+ Đèn phanh/Màu:

+ Đèn soi biển số/Màu:

Kiểu loại xe trên đã được (1) kiểm tra và thỏa mãn các chỉ tiêu chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn, quy định hiện hành. (1) chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng xe mô tô, xe gắn máy đã hoàn chỉnh.

....., ngày..... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, cải tạo xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu KĐ11 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH** **THIẾT KẾ XE SXLR, CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ..(1)..

SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:...../TĐTK-SXLR

- Căn cứ Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cải tạo và kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Căn cứ hồ sơ thiết kế (1) sản xuất, lắp ráp ký hiệu..... ngày... tháng... năm..... của.....(2).....

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHỨNG NHẬN

Loại phương tiện:.....

Nhãn hiệu:.....

Mã kiểu loại:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Địa chỉ:.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA (1)

Các thông số cơ bản của (1) sản xuất, lắp ráp như: kích thước bao; khối lượng bản thân; khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất; khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (hoặc số chỗ ngồi/đứng/nằm cho phép); động cơ và các thông số kỹ thuật cơ bản của động cơ; cơ cấu chuyên dùng (nếu có); thông số kỹ thuật đặc trưng của xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp sản xuất, lắp ráp xe máy chuyên dùng).

...., ngày.... tháng..... năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp thẩm định thiết kế của xe cơ giới thì ghi "XE CƠ GIỚI"; xe máy chuyên dùng thì ghi "XE MÁY CHUYÊN DÙNG".

(2) Đơn vị sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

Mẫu KĐ12 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:...../XCG SXLR

☐ Dùng cho đăng ký ☐ Dùng cho kiểm định ☐ Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

Chủ phương tiện:.....
Địa chỉ:.....
Loại phương tiện:.....
Đơn vị sản xuất:.....
Địa chỉ:.....
Đơn vị lắp ráp:.....
Địa chỉ:.....
Biên bản nghiệm thu xuất xưởng số:.....

Nơi/Năm sản xuất:...../.....
Nhãn hiệu, số loại:.....
Số máy:.....
Số khung:.....
Ký hiệu thiết kế:.....
Đơn vị thiết kế:.....
Địa chỉ:.....
Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế số:.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Kích thước thùng hàng (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Công thức bánh xe:.....
Vết bánh xe trước/sau:...../..... (mm)
Khoảng cách trục:..... (mm)
Khối lượng bản thân:..... (kg)
Khối lượng chuyên chở thiết kế/cho phép lớn nhất:..... (kg)
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế/cho phép lớn nhất:..... (kg)
Khối lượng kéo theo thiết kế/cho phép lớn nhất:..... (kg)
Số người cho phép chở (kể cả người lái):..... (ngồi)..... (đứng)..... (nằm)
Kiểu động cơ:
Thể tích làm việc của động cơ:..... (cm^3)
Loại nhiên liệu sử dụng:
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay:...../..... (Ps, Mã lực, Kw/v/ph)
Tiêu chuẩn khí thải:
Số lượng; Cỡ lốp + Trục 1:..... + Trục 2:..... + Trục 3:.....
+ Trục 4:..... + Trục 5:..... + Trục 6:.....

Kiểu loại xe nêu trên thỏa mãn quy định tại Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày..... tháng.... năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (nếu có)

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cục Cảnh sát giao thông quy định cụ thể.

Mẫu KĐ13 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:...../XMCD SXLR

☐ Dùng cho đăng ký ☐ Dùng cho kiểm định ☐ Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

Chủ phương tiện:.....
Địa chỉ:.....
Loại phương tiện:.....
Đơn vị sản xuất:.....
Địa chỉ:.....
Đơn vị lắp ráp:.....
Địa chỉ:.....
Biên bản nghiệm thu xuất xưởng số:.....

Nơi/Năm sản xuất:...../.....
Nhãn hiệu, số loại:.....
Số máy:.....
Số khung:.....
Ký hiệu thiết kế:.....
Đơn vị thiết kế:.....
Địa chỉ:.....
Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế số:.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Khối lượng bản thân:..... (kg)
Kiểu động cơ:
Loại nhiên liệu sử dụng:
Tiêu chuẩn khí thải:
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay:...../..... (Ps, Mã lực, Kw/v/ph)
Vận tốc di chuyển lớn nhất:..... (km/h)
Ký hiệu, loại động cơ (*)
Điện áp (*)
Công suất (*)
Loại ắc quy (*)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

(Được cập nhật theo từng loại xe máy chuyên dùng)

Kiểu loại xe nêu trên thỏa mãn quy định tại Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày..... tháng.... năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(*) Chỉ áp dụng đối với động cơ sử dụng cho xe chạy điện.

Ghi chú: Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cục Cảnh sát giao thông quy định cụ thể.

Mẫu KĐ14 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:...../XM SXLR

(1) Dùng để đăng ký (1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp:
Địa chỉ:
Loại xe: Năm sản xuất:
Nhãn hiệu phương tiện: Số loại:
Số khung: Số động cơ:
Tiêu chuẩn khí thải:
Căn cứ biên bản nghiệm thu xuất xưởng số:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khối lượng bản thân: kg
Phân bố lên: Bánh trước kg ; Bánh sau: kg
Khối lượng toàn bộ: kg
Số người cho phép chở, kể cả người lái:
Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): mm
Chiều dài cơ sở: mm
Kiểu, loại động cơ:
Loại nhiên liệu sử dụng: ; Thể tích làm việc: cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay: kW/vòng/phút
Cỡ lốp trước: Cỡ lốp sau:

Xe mô tô, xe gắn máy đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày....tháng.....năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc để lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

Mẫu KĐ15 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:...../PTXCG SXLR

☐ Đơn vị sản xuất, lắp ráp ☐ Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

Căn cứ văn bản đề nghị (của đơn vị sản xuất, lắp ráp) số:..... ngày..../..../.....
Căn cứ kết quả thử nghiệm mẫu (của đơn vị sản xuất, lắp ráp) số:..... ngày..../..../.....
Kiểu loại sản phẩm:
Nhãn hiệu:
Tên thương mại:
Mã kiểu loại:
(Nội dung liên quan đến thông số kỹ thuật, đặc trưng và chất lượng phù hợp với từng loại phụ tùng)

Sản phẩm nêu trên thỏa mãn quy định tại Thông tư số 82/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp.

Giấy chứng nhận này có giá trị 36 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày.... tháng.... năm....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (nếu có)

Ghi chú: - Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cục Cảnh sát giao thông quy định cụ thể.
- (1) đánh dấu X vào bản tương ứng để cấp cho đơn vị sản xuất, lắp ráp hoặc lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

Mẫu KĐ16 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../NTXX

....., ngày... tháng... năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU XUẤT XƯỞNG (2) CẢI TẠO

Ngày... tháng... năm....., ... (1)... đã tiến hành nghiệm thu xuất xưởng (2) do đơn vị thi công cải tạo có đặc điểm sau:

1. Đặc điểm (2) trước cải tạo

Biển số đăng ký:..... Số máy:.....

Loại phương tiện:..... Số khung:.....

2. Nội dung cải tạo

.....

Đặc tính và thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:

STT	Thông số		Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao Dài x Rộng x Cao		mm		
2	Chiều dài cơ sở		mm		
3	Vết bánh xe (Trước/Sau)		mm		
4	Khối lượng bản thân		kg		
5	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất		kg		
6	Số chỗ ngồi/đứng/nằm		người		
7	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất		kg		
8	Kiểu động cơ				
9	Dung tích động cơ		cm^3		
10	Công suất lớn nhất/số vòng quay		kW/v/ph		
11	Cỡ lốp: Trước/Sau				
12	Công thức bánh xe				
13	Màu sơn				
14	Thông số đặc trưng:	(*)			
		(*)			
....	(**)				

3. Kết luận

(2) đã được thi công cải tạo theo đúng thiết kế ký hiệu:..... và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế (2) cải tạo số:..... ngày... tháng.... năm..... của Hội đồng thẩm định thiết kế.

Chất lượng (2) đạt yêu cầu kỹ thuật.

Cán bộ kiểm tra chất lượng *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(*1) Tên đơn vị cải tạo.*

(2) Trường hợp xe cơ giới thì ghi "XE CƠ GIỚI"; xe máy chuyên dùng thì ghi "XE MÁY CHUYÊN DÙNG".

(*) Thông số kỹ thuật đặc trưng của xe máy chuyên dùng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

(**) Các thông số kỹ thuật có thể bổ sung cho phù hợp với kiểu loại xe cải tạo như: kích thước lòng thùng, hệ thống phanh phụ, cơ cấu chuyên dùng,...

Mẫu KĐ17 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THIẾT KẾ XE SXLR, CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ (1) CẢI TẠO

Số:...../TĐTK-XCT

- Căn cứ Thông tư số..../2024/TT-BCA ngày.../.../2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cải tạo và kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an;

- Căn cứ hồ sơ thiết kế (1) cải tạo ký hiệu..... ngày... tháng... năm..... của.....(2).....

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHỨNG NHẬN

1. Xe trước cải tạo

- Các thông số kỹ thuật cơ bản của (1) trước cải tạo như: Loại phương tiện; nhãn hiệu; số loại; kích thước bao; khối lượng bản thân; khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất; khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (hoặc số chỗ ngồi/đứng/nằm cho phép); động cơ và các thông số kỹ thuật cơ bản của động cơ. Các thông số kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật cơ bản của hệ thống, tổng thành có thay đổi trong quá trình cải tạo.

2. Nội dung cải tạo

3. Xe sau cải tạo

- Các thông số kỹ thuật cơ bản của (1) sau cải tạo như: Loại phương tiện; nhãn hiệu; số loại; kích thước bao; khối lượng bản thân; khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất; khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (hoặc số chỗ ngồi/đứng/nằm cho phép); động cơ và các thông số kỹ thuật cơ bản của động cơ. Các thông số kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật cơ bản của hệ thống, tổng thành có thay đổi sau cải tạo.

4. Kết luận

4.1. Thiết kế thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về (1) cải tạo.

4.2. (2) chịu trách nhiệm về hồ sơ của (1) cải tạo trước pháp luật.

4.3. Cho phép thi công cải tạo xe theo đúng thiết kế (1) cải tạo đã được Hội đồng thẩm định phê duyệt tại đơn vị thi công có chức năng cải tạo (1) theo quy định của pháp luật.

...., ngày.... tháng..... năm.....
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp thẩm định thiết kế của xe cơ giới thì ghi "XE CƠ GIỚI"; xe máy chuyên dùng thì ghi "XE MÁY CHUYÊN DÙNG".

(2) Đơn vị cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

Mẫu KĐ18 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../NTXX

....., ngày... tháng... năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU XUẤT XƯỞNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO

Ngày.... tháng.... năm....., (Đơn vị cải tạo) đã tiến hành nghiệm thu xuất xưởng xe mô tô/xe gắn máy do đơn vị thi công cải tạo có đặc điểm sau:

1. Đặc điểm xe mô tô/xe gắn máytrước cải tạo

- Biển số: ; Số máy:
- Loại phương tiện: ; Số khung:

2. Nội dung cải tạo

.....

Đặc tính và thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo

STT	Thông số	Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao Dài x Rộng x Cao	mm		
2	Chiều dài cơ sở	mm		
3	Khối lượng bản thân	kg		
4	Phân bố khối lượng lên bánh trước/bánh sau	kg		
5	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất	kg		
6	Số chỗ ngồi (kể cả ng)	người		
7	Kiểu động cơ			
8	Dung tích động cơ	cm^3		
9	Công suất lớn nhất/số vòng quay	kW/v/ph		
10	Cỡ lốp: Trước/Sau			
11	Màu sơn			
12	Mức tiêu chuẩn khí thải			
13	Nhiên liệu sử dụng			

Xe mô tô/xe gắn máy đã được thi công cải tạo theo đúng thiết kế ký hiệu:..... của (Đơn vị thiết kế). Xe mô tô/xe gắn máy đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Bộ Công an và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

(Đơn vị thi công cải tạo) chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do đơn vị thi công trước pháp luật.

Cán bộ kiểm tra chất lượng
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu KĐ19 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Số:...../XCG CT

(1) Dùng để đăng ký (1) Dùng để kiểm định (1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

- Chủ phương tiện:
- Địa chỉ:
- Biển số xe:
- Loại phương tiện:
- Phương tiện cải tạo thành:
- Đơn vị thi công cải tạo:
- Địa chỉ:
- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng số:
- Nơi/Năm sản xuất:...../.....
- Nhãn hiệu, số loại:
- Số loại:
- Số máy:
- Số khung:
- Ký hiệu thiết kế:
- Đơn vị thiết kế:
- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế:

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

CÁC THÔNG SỐ VÀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT XE CƠ GIỚI TRƯỚC VÀ SAU CẢI TẠO

TT	Thông số	Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao)	mm		
2	Chiều dài cơ sở	mm		
3	Vết bánh xe (Trước/Sau)	mm		
4	Khối lượng bản thân	*kG*		
5	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất	kG		
6	Số chỗ ngồi/đứng/nằm	Người		
7	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất	kG		
8	Kiểu động cơ			
9	Dung tích động cơ	cm^3		
10	Công suất lớn nhất/Số vòng quay	kW/v/ph		
11	Mô men xoắn lớn nhất/Số vòng quay	N.m/v/ph		
12	Số lượng; cỡ lốp: + Trước + Sau			
13	Công thức bánh xe			
14	Màu sơn			
...	(*)			

Kiểu loại xe nêu trên thỏa mãn quy định tại Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày.....tháng....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - (*) các thông số kỹ thuật có thể bổ sung cho phù hợp với kiểu loại xe cải tạo như: kích thước lòng thùng, hệ thống phanh phụ, cơ cấu chuyên dùng,...
- (1) Đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc kiểm định hoặc lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

Mẫu KĐ20 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN **CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO

Số:...../XMCD CT

(1) Dùng để đăng ký (1) Dùng để kiểm định (1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

- Chủ phương tiện:
- Địa chỉ:
- Biển số xe:
- Loại phương tiện:
- Phương tiện cải tạo thành:
- Đơn vị thi công cải tạo:
- Địa chỉ:
- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng số:
- Nơi/Năm sản xuất:...../.....
- Nhãn hiệu, số loại:
- Số loại:
- Số động cơ:
- Số khung:
- Ký hiệu thiết kế:
- Đơn vị thiết kế:
- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế:

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA XE MÁY CHUYÊN DÙNG SAU CẢI TẠO

- Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):.....(mm)
- Khối lượng bản thân:..... (kg)
- Kiểu động cơ:
- Loại nhiên liệu sử dụng:
- Tiêu chuẩn khí thải:
- Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay:...../..... (Ps,Mã lực, Kw/v/ph)
- Vận tốc di chuyển lớn nhất:..... (km/h)
- Ký hiệu, loại động cơ (*)
- Điện áp (*)
- Công suất (*)
- Loại ắc quy (*)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG CỦA XE MÁY CHUYÊN DÙNG SAU CẢI TẠO

(Được cập nhật theo từng loại xe máy chuyên dùng)

Kiểu loại xe nêu trên thỏa mãn quy định tại Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe máy chuyên dùng cải tạo.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày..... tháng.... năm.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - (*) Chỉ áp dụng đối với động cơ sử dụng cho xe chạy điện.
- (1) Đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc kiểm định hoặc lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

Mẫu KĐ21 ban hành Ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO

Số:...../XM CT

(1) Dùng để đăng ký

(1) Lưu: Cục Cảnh sát giao thông

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp:
- Địa chỉ:
- Loại xe: ; Năm sản xuất:
- Nhãn hiệu phương tiện: ; Số loại:
- Số khung: ; Số động cơ:
- Tiêu chuẩn khí thải:
- Căn cứ biên bản nghiệm thu xuất xưởng số:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY TRƯỚC VÀ SAU CẢI TẠO

TT	Thông số	Đơn vị	Trước cải tạo	Sau cải tạo
1	Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao)	mm		
2	Chiều dài cơ sở	mm		
3	Khối lượng bản thân	kg		
4	Khối lượng phân bố lên bánh trước/bánh sau	kg		
5	Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất	kg		
6	Số chỗ ngồi (kể cả lái xe)			
7	Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất	kG		
8	Số chỗ ngồi/đứng/nằm	Người		
9	Kiểu động cơ			
10	Thể tích làm việc	cm^3		
11	Nhiên liệu sử dụng			
12	Công suất lớn nhất/Số vòng quay	kW/v/ph		
13	Cỡ lốp bánh trước			
14	Cỡ lốp bánh sau			
15	Màu sơn			

Xe mô tô, xe gắn máy đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo.

Giấy chứng nhận có giá trị 12 tháng kể từ ngày ký.

....., ngày..... tháng.... năm.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Đánh dấu X vào bản tương ứng để dùng làm thủ tục đăng ký hoặc để lưu tại Cục Cảnh sát giao thông.

Mẫu KĐ22 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

SỔ CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRANG BÌA

Bìa sau **Bìa trước**

BỘ CÔNG AN
Ministry of Public Security

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

SỔ CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PERIODICAL MOTOR VEHICLE INSPECTION CERTIFICATE
FOR TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

140mm

95mm

Ghi chú:
- Sổ kiểm định gồm 30 trang, khổ 95 x 140mm.
- Bìa cứng, nền màu xanh.
- Bìa trước có hoa văn hình Công an hiệu.

Trang 1, 2 và 34

(1, 30)	**BỘ CÔNG AN** Ministry of Public Security **SỔ CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** PERIODICAL MOTOR VEHICLE INSPECTION CERTIFICATE FOR TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION No: A 000000000 **1. Biển số đăng ký:**..... *(Registration No)* **2-Biển số đăng ký:**..... *(Registration No)* **3-Biển số đăng ký:**..... *(Registration No)* **4-Biển số đăng ký:**..... *(Registration No).* (2)

Ghi chú:

- Các trang 1, 30 là mặt trong của bìa Sổ.
- Biển số đăng ký tại trang 2 ghi bằng tay.
- Nền màu trắng, chữ màu đen.

Trang 3, 4, 5 và 6

I. 1. PHƯƠNG TIỆN VÀ CHỦ PHƯƠNG TIỆN *(IDENTIFICATION OF VEHICLE AND OWNER)* Biển số đăng ký:..... *(Registration Number)* Nơi đăng ký..... *(Registration place)* Ngày đăng ký:..... *(Registration date)* Đăng ký xe có giá trị đến ngày:..... (Date of *expiry)* Chủ phương tiện:..... *(Owner)* Địa chỉ *(Address*)..... ..... Số quản lý tại Đơn vị KĐ:..... *(Inspection No)* Ngày *(Date)*..... tháng..... năm..... **CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE** *(INSPECTION CENTER)* *(3)*	**2. PHƯƠNG TIỆN VÀ CHỦ PHƯƠNG TIỆN** *(IDENTIFICATION OF VEHICLE AND OWNER)* Biển số đăng ký:..... *(Registration Number)* Nơi đăng ký..... *(Registration place)* Ngày đăng ký:..... *(Registration date)* Đăng ký xe có giá trị đến ngày:..... (Date of *expiry)* Chủ phương tiện:..... *(Owner)* Địa chỉ *(Address*)..... ..... Số quản lý tại Đơn vị KĐ:..... *(Inspection No)* Ngày *(Date)*..... tháng..... năm..... **CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE** *(INSPECTION CENTER)* *(4)*

Ghi chú: Nội dung trang 3 đến trang 6 ghi bằng tay.

Trang 7 và 8

II. ĐẶC ĐIỂM PHƯƠNG TIỆN MOTOR VEHICLE DESCRIPTION **No: A 0000001** Loại phương tiện *(Type)*..... Nhãn hiệu *(Mark)*:..... Số loại *(Model code)*:..... Số máy *(Engine Number)*:..... Số khung *(Chassis Number)*:..... Năm, Nơi sản xuất (*Manufactured Year and country)*:..... Công thức bánh xe *(Wheel Formula)*:..... Vết bánh trước/sau *(Front/Rear Track)*:...../.....(mm) Kích thước bao *(Overall Dimension)*:..... (mm) Kích thước thùng xe *(Cargo)*:..... (mm) Chiều dài cơ sở *(Wheel Base)*:..... (mm) Trọng lượng bản thân *(Kerb Weight)*:..... (kg) Trọng tải thiết kế *(Designed Loading Capacity)*:..... (kg) Số người cho phép chở *(Permissible No. of Pers Carried)*:..... Trọng lượng kéo theo *(Towed Weight)*:..... (kg) Trọng lượng toàn bộ *(Gross Weight)*:..... (kg) (7)	**ĐẶC ĐIỂM PHƯƠNG TIỆN** MOTOR VEHICLE DESCRIPTION **No: A 0000001** Kiểu động cơ *(Engine Model)*:...../..... Loại nhiên liệu sử dụng *(Fuel Used)*..... Thể tích làm việc của động cơ *(Engine Displacement)*:..... (cm^3) Công suất lớn nhất/tốc độ quay:..... Ps; Mã lực; kw/v/ph *(Max.output/rpm)* Hệ thống lái *(Steering System)*:..... Phanh chính *(Service Brake)*:..... Phanh đỗ *(Parking)*:..... Lốp sử dụng *(Tires Used)*: - Trục 1 *(Axle No1)*:..... - Trục 2 *(Axle No 2)*:..... - Trục 3 *(Axle No 3)*:..... - Trục 4 *(Axle No 4)*:..... - Trục 5 *(Axle No 5)*:..... - Trục 6 *(Axle No 6)*:..... Ngày *(Date)*.... tháng..... năm..... **CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE** *(INSPECTION CENTER)* (8)

Ghi chú:

- Trang "Đặc điểm phương tiện" được in rời, mặt sau có phủ keo dính để dán vào trang 7 và trang 8 của Sổ kiểm định.

- Các thông số đặc điểm xe được in từ phần mềm Quản lý đăng kiểm xe ô tô.

Trang 9, 10

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG CỦA XE MÁY CHUYÊN DÙNG ....

Trang 11 và 12

IV. ĐẶC ĐIỂM KHÁC
other *description*

Ngày *(Date)*	Đặc điểm *(Description)*	Cơ quan kiểm định xe *(Inspection center)*

(11)

ĐẶC ĐIỂM KHÁC
other *description*

Ngày *(Date)*	Đặc điểm *(Description)*	Cơ quan kiểm định xe *(Inspection center)*

(12)

Ghi chú:

Nội dung trang 11, 12 được ghi bằng tay.

Trang 13 và 14

V. CẢI TẠO, THAY ĐỔI KẾT CẤU *(MODIFICATION)* - Loại phương tiện *(Type)*:..... - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo *(Certificate for modification)*: + Số sê ri GCN *(Certificate No)*:..... + Nơi cấp *(Registration Place)*:..... + Ngày cấp *(Date)*:..... - Nội dung và kết luận *(Items having been modified and Conclusion)*:..... .... Ngày *(Date)*..... tháng..... năm.... **Người lái xe** (Ký, ghi rõ họ tên) *Owner (Full Name & Signature)* **CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE** *(INSPECTION CENTER)* (13)	**CẢI TẠO, THAY ĐỔI KẾT CẤU** *(MODIFICATION)* - Loại phương tiện *(Type)*:..... - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo *(Certificate for modification)*: + Số sê ri GCN *(Certificate No)*:..... + Nơi cấp *(Registration Place)*:..... + Ngày cấp *(Date)*:..... - Nội dung và kết luận *(Items having been modified and Conclusion)*:..... .... Ngày *(Date)*..... tháng..... năm..... **Người lái xe** (Ký, ghi rõ họ tên) *Owner (Full Name & Signature)* **CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE** *(INSPECTION CENTER)* (14)

Ghi chú:

- Nội dung được ghi bằng tay.

Trang 15 đến trang 29

VI. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ***(INSPECTION RESULT)***

Ngày kiểm định *(Inspection Date)*	Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)*	Hạng mục không đạt *(Item Not Passed)*	Cơ quan kiểm định xe *(Inspection center)*

(15)

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ***(INSPECTION RESULT)***

Ngày kiểm định *(Inspection Date)*	Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)*	Hạng mục không đạt *(Item Not Passed)*	Cơ quan kiểm định xe *(Inspection center)*

(16,..., 29)

Ghi chú:

- Trang 15 đến trang 29 dùng để dán Giấy chứng nhận kiểm định (trường hợp đạt yêu cầu), ghi bằng tay (trường hợp không đạt yêu cầu).

Mẫu KĐ23 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BỘ CÔNG AN Ministry of Public Security	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Socialist Republic of Vietnam Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PERIODICAL MOTOR VEHICLE INSPECTION CERTIFICATE
FOR TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

No: BB 000000000

Biển số đăng ký *(Registration Number)*:
Số máy *(Engine Number)*:
Số khung *(Chassis Number)*:
Phương tiện đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ***(The motor vehicle is in compliance with the applicable requirements of Technical Safety and Environmental Protection Standards)***
Ngày kiểm định lần tới *(Next Periodical Inspection Date)*:

....., ngày *(Date)*.... tháng..... năm.....
CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

Ghi chú:
- Kích thước 85 x 120mm.
- Nền mầu nâu vàng, có hoa văn hình Công an hiệu.
- Mặt sau có keo dính để dán vào Sổ kiểm định.

Mẫu KĐ24 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

TEM KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mặt trước **Mặt sau**

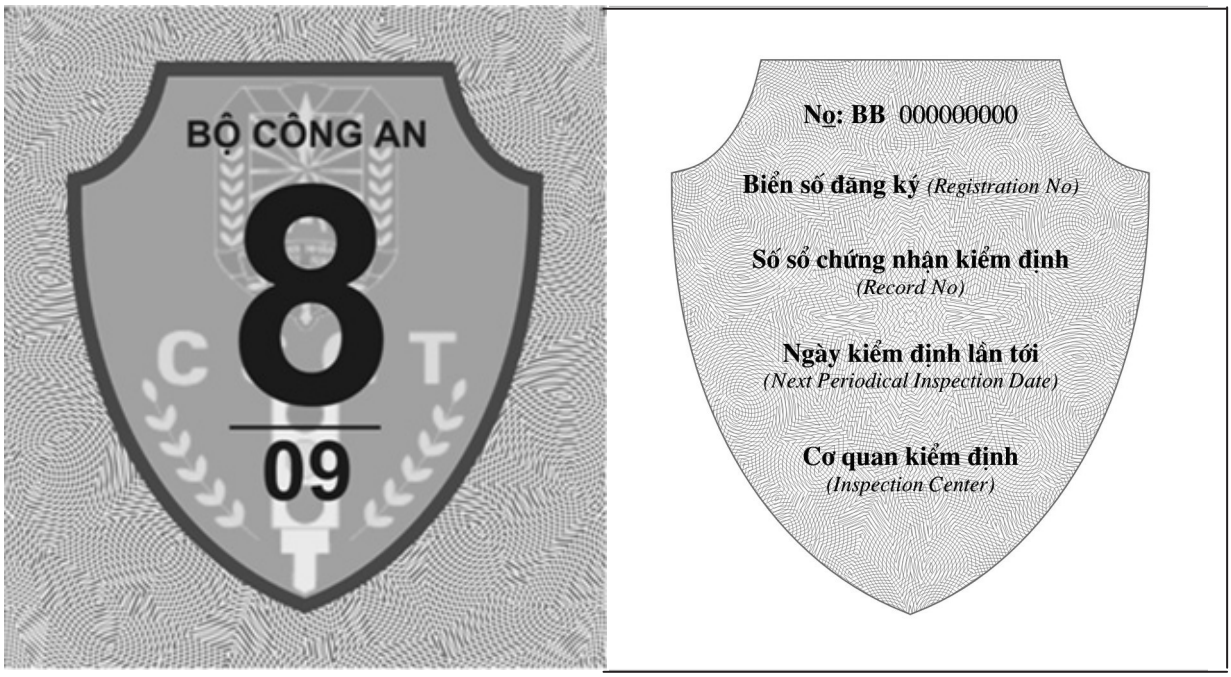

Ghi chú:

- Tem kiểm định hình lá chắn, kích thước 80 x 88mm. Tem kiểm định gồm 2 mặt:

- Mặt trước Tem kiểm định: Nền màu xanh, chữ màu đen, có biểu tượng Cảnh sát giao thông; trên cùng là dòng chữ "BỘ CÔNG AN", ở dưới là tháng (cỡ chữ: 34mm) và năm (cỡ chữ: 10mm) kiểm định lần kế tiếp. Có keo dính để dán vào kính xe.

- Mặt sau Tem kiểm định: Nền mầu nâu, chữ màu đen, gồm các thông tin: Số , biển số đăng ký xe, số Sổ kiểm định, ngày kiểm định lần tới, cơ quan kiểm định xe.

Mẫu KĐ25 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN
.....(1).....

PHIẾU KIỂM ĐỊNH

Ngày, giờ kiểm định:.../...../.....,..:.. Kiểm định lần:..... Số phiếu:.....

Chủ xe: Địa chỉ:

Biển số: Nhãn hiệu, số loại: Nơi, năm sản xuất:

Loại xe: Số máy: Số khung:

Khối lượng bản thân: (kg) Khối lượng chuyên chở cho phép: (kg)

Khối lượng toàn bộ cho phép: (kg) Số người cho phép chở (kể cả người lái):

TT	Kiểm tra tổng quát xe	K/L
01	Biển số đăng ký	
02	Số khung	
03	Số máy	
04	Mầu sơn, chất lượng lớp sơn	
05	Hình dáng bố trí chung, kích thước giới hạn	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

TT	Kiểm tra phần trên và bên ngoài xe	K/L
01	Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng, chắn bùn	
02	Đèn chiếu sáng phía trước (pha, cốt)	
03	Đèn tín hiệu, đèn lùi	
04	Cửa xe	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

TT	Kiểm tra bên trong buồng lái, khoang chở khách	K/L
01	Ghế người lái, ghế hành khách, dây an toàn	
02	Kính xe	
03	Gạt nước, phun nước rửa kính	
04	Gương quan sát phía sau	
05	Sàn bệ, khung xương	
06	Dây dẫn điện phần trên	
07	Vô lăng lái, càng lái, độ dơ góc	
08	Trục lái	
09	Hiệu quả trợ lực lái	
10	Cơ cấu điều khiển phanh đỗ	
11	Cơ cấu sang số	
12	Các bàn điều khiển: ly hợp, phanh, ga	
13	Áp suất khí nén, các đồng hồ, đèn chỉ báo	
14	Động cơ và các hệ thống liên quan	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

TT	Kiểm tra phần gầm xe	K/L
01	Khung xe, móc kéo	
02	Hệ thống treo	
03	Bánh xe (Moay ơ, lốp, vành đĩa, vòng hãm)	
04	Ngõng quay lái	
05	Cơ cấu lái, các thanh đòn dẫn động lái, khớp cầu, khớp chuyển hướng	
06	Các đăng	
07	Cầu xe	
08	Dẫn động phanh chính	
09	Dây dẫn điện phần dưới	
10	Hệ thống dẫn khí xả, bầu giảm âm	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

TT	Kiểm tra các chỉ tiêu bảo vệ môi trường	K/L
01	Độ ồn	
02	Còi điện	
03	Nồng độ CO	
04	Nồng độ HC	
05	Độ khói	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

TT	Kiểm tra hoạt động của hệ thống, thiết bị chuyên dùng đối với xe máy chuyên dùng	K/L
01	Hệ thống công tác	
02	Thiết bị chuyên dùng	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

TT	Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh, lái	K/L
01	Dẫn động ly hợp	
02	Độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng	
03	Sai lệch lực phanh trên một trục	
04	Hiệu quả phanh chính	
05	Hiệu quả phanh đỗ	
06	Hệ thống phanh phụ	
	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe *(Ký, ghi rõ họ tên)*	

Kết luận:

Phương tiện..... tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Định kỳ kiểm định:..... tháng; Thời hạn kiểm định lần tới:.....

Lái xe
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ kiểm định xe
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): ở Bộ ghi Cục CSGT, ở địa phương ghi Công an tỉnh

Mẫu KĐ26 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

Kính gửi: Cục Cảnh sát giao thông

Tên tôi là..... Nam/nữ.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác.....(1).....

Số CMCAND/CMND/CCCD..... cấp ngày..... tại.....

Có Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe hạng..... Số cấp.....

Ngày cấp..... Đơn vị cấp.....

Số điện thoại liên hệ.....

Đề nghị: (2)..... Lý do:.....

Giấy tờ, tài liệu kèm theo.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều trình bày trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

Đồng chí..... là cán bộ của đơn vị đã kê khai các nội dung trên là đúng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
- (1) Ghi cụ thể đơn vị trực tiếp công tác.
- (2) Cấp mới hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe.
- Khổ in: A4.

Mẫu KĐ27 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

GIẤY CHỨNG NHẬN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Mặt trước

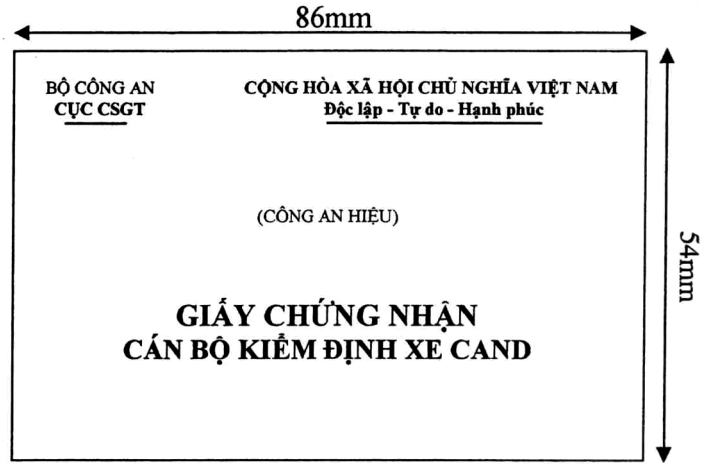

2. Mặt sau

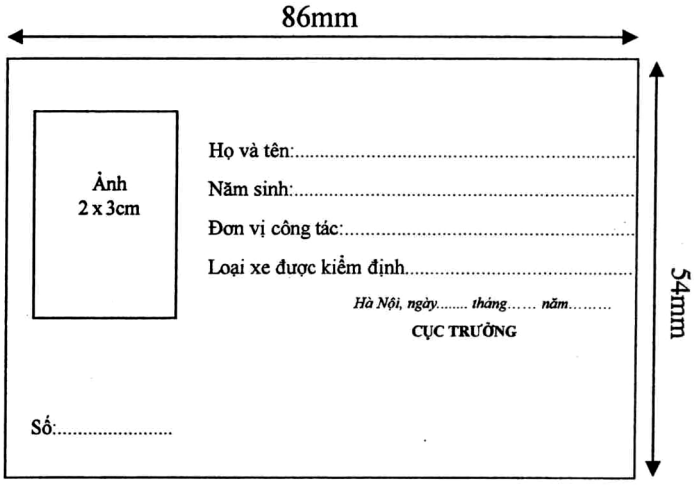

Ghi chú:

- Kích thước 86 x 54mm.

- Mặt trước: Nền màu đỏ, chữ màu vàng. phía trên bên trái có hàng chữ BỘ CÔNG AN, CỤC CSGT; phía trên bên phải có hàng chữ: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; ở giữa in hình Công an hiệu; dưới cùng là hàng chữ: GIẤY CHỨNG NHẬN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CAND.

- Mặt sau: Nền màu trắng, chữ màu đen. Phía bên trái có hình chữ nhật để dán ảnh (cỡ 2 x 3cm); từ trên xuống dưới gồm các thông tin: họ và tên; sinh năm; đơn vị công tác; loại xe được kiểm định; Hà Nội, ngày, tháng, năm; Cục trưởng; Số.

Mẫu KĐ28 ban hành kèm theo Thông tư
số 82/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ Công an

BỘ CÔNG AN
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA LẬP SỔ KIỂM ĐỊNH

Biển số đăng ký:..... Ngày đăng ký:.....
Tên chủ phương tiện:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Ngày đăng ký lần đầu:.....
Tình trạng phương tiện: ☐ chưa qua sử dụng; ☐ đã qua sử dụng
Loại phương tiện:.....
Nhãn hiệu:..... Số loại:..... màu sơn:.....
Số máy:..... Số khung:.....
Nơi sản xuất:..... Năm sản xuất: .....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Kích thước thùng hàng (Dài x Rộng x Cao):..... (mm)
Công thức bánh xe: ..... Vết bánh xe trước/sau:...../..... (mm)
Chiều dài cơ sở:..... + ... + ... + ... (mm)
Trọng lượng bản thân:..... (kg) Trọng lượng toàn bộ:..... (kg)
Trọng tải thiết kế:..... (kg) Trọng lượng kéo theo:..... (kg)
Trọng tải cho phép tham gia giao thông:..... (kg) Trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông:.... (kg)
Số người cho phép chở (kể cả người lái):..... (ngồi)..... (đứng)..... (nằm)
Kiểu động cơ:..... Thể tích làm việc của động cơ:..... (cm^3)
Loại nhiên liệu sử dụng:.....
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay:...../..... (Ps, Mã lực, kw/v/ph)
Hệ thống lái:.....
Hệ thống phanh chính: .....
- Hệ thống phanh đỗ:.....
- Lốp xe: + Trục 1:..... + Trục 2:.....
+ Trục 3:..... + Trục 4:.....
+ Trục 5:..... + Trục 6:.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG CỦA XE MÁY CHUYÊN DÙNG

.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI LÁI XE
(Ký, ghi họ tên)

CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE
(Ký, ghi rõ họ tên)

Điện thoại liên hệ:.....

Ghi chú: (1) ở Bộ ghi CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG, ở địa phương ghi CÔNG AN TỈNH.